

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO**NGHỊ ĐỊNH**

Quy định chế độ an điều dưỡng, chăm sóc khi mắc bệnh hiểm nghèo, chế độ thông tin, hỗ trợ tang lễ khi từ trần đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 19/2008/QH12, Luật số 72/2014/QH13 và Luật số 52/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật về quân sự, quốc phòng số 98/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chế độ an điều dưỡng, chăm sóc khi mắc bệnh hiểm nghèo, chế độ thông tin, hỗ trợ tang lễ khi từ trần đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chế độ, chính sách đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu, gồm: Chế độ an điều dưỡng; chăm sóc khi mắc bệnh hiểm nghèo; chế độ thông tin; hỗ trợ tang lễ khi từ trần theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 28 tháng 11 năm 2024.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Sĩ quan cấp Tướng đã nghỉ hưu.
- Sĩ quan cấp Tá, cấp Úy đã nghỉ hưu, gồm:

a) Sĩ quan cấp Đại tá hưởng mức lương 668 đồng theo quy định tại Nghị định số 235/HĐBT ngày 18 tháng 9 năm 1985 của Hội đồng Bộ trưởng về cải tiến chế độ tiền lương của công nhân, viên chức và các lực lượng vũ trang;

b) Sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ Tư lệnh, Chính ủy (Quân đoàn, Binh chủng, Vùng Hải quân, Vùng Cảnh sát biển và tương đương); Cục trưởng các Cục có chức năng chỉ đạo toàn quân. Sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,9 trở lên theo quy định tại Nghị định số 25/CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới của công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp và lực lượng vũ trang hoặc có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,1 trở lên theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang hoặc có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,2 trở lên theo quy định tại Nghị định số..... /... /NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 204/2004/NĐ-CP;

c) Sĩ quan cấp Đại tá nâng lương lần 2; sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ Phó Tư lệnh, Phó Chính ủy (Quân đoàn, Binh chủng, Vùng Hải quân, Vùng Cảnh sát biển và tương đương); Phó Cục trưởng các Cục có chức năng chỉ đạo toàn quân. Sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ có hệ số phụ cấp chức vụ 0,8 theo quy định tại Nghị định số 25/CP hoặc giữ chức vụ có hệ số phụ cấp chức vụ 1,0 theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP hoặc có hệ số phụ cấp chức vụ 1,15 theo quy định tại Nghị định số..... /... /NĐ-CP;

d) Sĩ quan cấp Đại tá hưởng mức lương 655 đồng theo quy định tại Nghị định số 235/HĐBT; sĩ quan cấp Đại tá nâng lương lần 1; sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ chỉ huy Sư đoàn hoặc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là cấp tỉnh) và tương đương. Sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ có hệ số phụ cấp chức vụ 0,7 theo quy định tại Nghị định số 25/CP hoặc có hệ số phụ cấp chức vụ 0,9 theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP hoặc có hệ số phụ cấp chức vụ 1,1 theo quy định tại Nghị định số..... /... /NĐ-CP;

đ) Sĩ quan cấp Đại tá, Thượng tá; sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ chỉ huy Lữ đoàn, Trung đoàn và tương đương. Sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ có hệ số phụ cấp chức vụ 0,5 theo quy định tại Nghị định số 25/CP hoặc có hệ số phụ cấp chức vụ 0,7 theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP hoặc có hệ số phụ cấp chức vụ 0,9 theo quy định tại Nghị định số..... /... /NĐ-CP;

e) Sĩ quan cấp Trung tá, Thiếu tá; sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ chỉ huy Tiểu đoàn và tương đương. Sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ có hệ số phụ cấp chức vụ 0,35 theo quy định tại Nghị định số 25/CP hoặc có hệ số phụ cấp chức vụ 0,5 theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP hoặc có hệ số phụ cấp chức vụ 0,7 theo quy định tại Nghị định số..... /... /NĐ-CP;

g) Sĩ quan cấp Úy.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện chế độ, chính sách đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu.

Điều 3. Đối tượng không áp dụng

1. Sĩ quan Quân đội nghỉ hưu thuộc đối tượng quy định tại Quyết định số 205/2004/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện một số chính sách, chế độ đối với cán bộ cao cấp.

2. Sĩ quan Quân đội nghỉ hưu đang bị tạm giam; chấp hành án phạt tù; bị kết án về một trong các tội xâm phạm an ninh quốc gia; cách tất cả các chức vụ trong Đảng hoặc khai trừ ra khỏi Đảng hoặc xóa tất cả tư cách chức vụ đã đảm nhiệm hoặc tước danh hiệu quân nhân.

3. Sĩ quan Quân đội trước khi nghỉ hưu vi phạm kỷ luật, pháp luật bị phạt tù; bị kết án về một trong các tội xâm phạm an ninh quốc gia; cách tất cả các chức vụ trong Đảng hoặc khai trừ ra khỏi Đảng hoặc xóa tất cả tư cách chức vụ đã đảm nhiệm hoặc tước danh hiệu quân nhân.

Chương II CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH

Điều 4. Chế độ an điều dưỡng

1. Tiền an điều dưỡng

a) Đối tượng quy định tại khoản 1; điểm a, b và điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị định này, mỗi năm một lần được hỗ trợ tiền an điều dưỡng, mức hưởng như mức tiền an, bồi dưỡng của sĩ quan cấp Tướng đang công tác;

b) Đối tượng quy định tại điểm d và đ khoản 2 Điều 2 Nghị định này, mỗi năm một lần được hỗ trợ tiền an điều dưỡng, mức hưởng như mức tiền an, bồi dưỡng của sĩ quan có cùng cấp bậc quân hàm Đại tá, Thượng tá đang công tác;

c) Đối tượng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 2 Nghị định này, mỗi năm một lần được hỗ trợ tiền an điều dưỡng, mức hưởng như mức tiền an, bồi dưỡng của sĩ quan có cùng cấp bậc quân hàm Trung tá, Thiếu tá đang công tác;

d) Đối tượng quy định tại điểm g khoản 2 Điều 2 Nghị định này, mỗi năm một lần được hỗ trợ tiền an điều dưỡng, mức hưởng như mức tiền an, bồi dưỡng của sĩ quan cấp Úy đang công tác;

đ) Tiền an điều dưỡng quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này được chi trả trong Quý I hằng năm. Trường hợp nghỉ hưu, hưởng lương hưu hằng tháng từ tháng 01 hằng năm thì được hỗ trợ tiền an điều dưỡng từ năm nghỉ hưu, hưởng lương hưu hằng tháng; trường hợp nghỉ hưu, hưởng lương hưu hằng tháng từ tháng 02 đến tháng 12 hằng năm thì được hỗ trợ tiền an điều dưỡng từ năm sau liền kề của năm nghỉ hưu; trường hợp trong năm đã được hưởng tiền an, bồi dưỡng đối với sĩ quan tại chức thì khi nghỉ hưu, hưởng lương hưu hằng tháng không được hưởng hỗ trợ tiền an điều dưỡng của năm đó. Trường hợp vi phạm kỷ luật, pháp luật bị xử lý trong Quý I hằng năm, nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này thì từ năm vi phạm kỷ luật, pháp luật bị xử lý trở đi không được hưởng hỗ trợ tiền an điều dưỡng; trường hợp vi phạm kỷ luật, pháp luật bị xử lý từ Quý II hằng năm trở đi thì từ năm sau liền kề của năm vi phạm kỷ luật, pháp luật bị xử lý trở đi không được hưởng hỗ trợ tiền an điều dưỡng;

e) Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ số lượng sĩ quan Quân đội nghỉ hưu trên địa bàn, rà soát, lập danh sách báo cáo Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội hoặc Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh để làm cơ sở bảo đảm kinh phí thực hiện chế độ an điều dưỡng quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này; tổ chức chi trả bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử; tổng hợp, báo cáo danh sách và số tiền chi trả về Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội hoặc Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh để thanh, quyết toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Phiếu mời an điều dưỡng

a) Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này, hằng năm được cấp phiếu mời gia đình đi nghỉ tại các Đoàn an điều dưỡng của Quân đội;

b) Đối tượng quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 2 Nghị định này, 02 (hai) năm một lần được cấp phiếu mời gia đình đi nghỉ tại các Đoàn an điều dưỡng của Quân đội;

c) Đối tượng quy định tại các điểm d, đ, e và g khoản 2 Điều 2 Nghị định này, hằng năm căn cứ số lượng phiếu mời an điều dưỡng do Bộ Quốc phòng (Cục Chính sách - Xã hội) cấp, các Quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội mời cá nhân hoặc gia đình sĩ quan Quân đội nghỉ hưu đi nghỉ tại các Đoàn an điều dưỡng của Quân đội.

3. Các đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Nghị định này khi đi an điều dưỡng tại các Đoàn an điều dưỡng của Quân đội được bảo đảm phòng nghỉ (bao gồm vật chất buồng phòng trong phòng nghỉ), chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng kết hợp thăm quan; nộp tiền ăn cho Đoàn an điều dưỡng. Trường hợp cá nhân tự túc bảo đảm phương tiện đi an điều dưỡng thì được thanh toán tiền tàu xe theo giá cước ô tô vận tải hành khách công cộng thông thường cho quãng đường thực đi. Trường hợp đơn vị, địa phương bảo đảm phương tiện (ô tô) để đưa, đón sĩ quan Quân đội nghỉ hưu đi an điều dưỡng tập trung tại các Đoàn an điều dưỡng theo từng đợt thì được bảo đảm xăng dầu theo quy định; trường hợp thuê phương tiện (ô tô) thì được hỗ trợ chi phí thuê phương tiện.

4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định cụ thể phiếu mời an điều dưỡng.

Điều 5. Chế độ chăm sóc khi mắc bệnh hiểm nghèo

1. Sĩ quan Quân đội nghỉ hưu nếu mắc một trong các bệnh thuộc Danh mục bệnh hiểm nghèo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế thì được khám giám định bệnh hiểm nghèo, nếu được Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền theo quy định của Bộ Quốc phòng kết luận mắc bệnh hiểm nghèo thì được hưởng các chế độ, chính sách sau đây:

a) Hằng quý được hỗ trợ bằng 02 (hai) tháng lương cơ sở. Thời điểm hưởng tính từ quý được Hội đồng giám định y khoa kết luận mắc bệnh hiểm nghèo; trường hợp đối tượng đang hưởng chế độ hỗ trợ nêu trên mà từ trần thì thôi hưởng từ quý tiếp theo;

b) Khi điều trị nội trú ở cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong và ngoài Quân đội, được đảm bảo tiền ăn bệnh lý chênh lệch so với tiền ăn cơ bản bộ binh hoặc

tiền ăn cơ bản theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với quân nhân tại ngũ. Trường hợp điều trị nội trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong Quân đội do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chi trả; trường hợp điều trị nội trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài Quân đội do Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội hoặc Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh nơi sĩ quan Quân đội nghỉ hưu thường trú thanh toán trực tiếp theo số ngày điều trị thực tế được xác nhận tại giấy ra viện.

c) Trường hợp đang hưởng chế độ, chính sách quy định tại điểm a và b khoản này mà vi phạm kỷ luật, pháp luật bị xử lý, nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này thì thôi hưởng chính sách quy định tại khoản này từ quý tiếp theo.

2. Trường hợp sĩ quan Quân đội trước khi nghỉ hưu đã được cấp có thẩm quyền công nhận mắc bệnh hiểm nghèo thì khi nghỉ hưu, hưởng lương hưu hằng tháng được hỗ trợ hằng quý và chính sách theo quy định tại khoản 1 Điều này. Thời điểm hỗ trợ tính từ quý bắt đầu hưởng lương hưu, mức hưởng bằng mức hỗ trợ của cả quý.

3. Trường hợp sĩ quan Quân đội nghỉ hưu đã được Hội đồng giám định y khoa khám, kết luận mắc bệnh hiểm nghèo nhưng chưa được cấp có thẩm quyền ban hành quyết định hưởng chế độ hỗ trợ bệnh hiểm nghèo mà từ trần thì thân nhân được hưởng số tiền hỗ trợ bằng 01 (một) quý (tương đương 02 tháng lương cơ sở) tại quý sĩ quan nghỉ hưu từ trần.

4. Hồ sơ, trình tự giải quyết

a) Hồ sơ

Đơn đề nghị giám định y khoa để hưởng chế độ hỗ trợ mắc bệnh hiểm nghèo của đối tượng hoặc thân nhân đối tượng theo Mẫu số 01/2025/BHN tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

Bản chính (bản giấy) hoặc bản sao điện tử Tóm tắt hồ sơ bệnh án điều trị bệnh hiểm nghèo của bệnh viện trong hoặc ngoài Quân đội;

Bản sao hoặc bản sao điện tử quyết định về việc hưởng chế độ hưu trí hằng tháng.

b) Trình tự giải quyết

Sĩ quan Quân đội nghỉ hưu hoặc thân nhân nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này cho Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi tắt là cấp xã) nơi thường trú bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử. Trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ khai thác được các giấy tờ trong thành phần hồ sơ (trừ đơn đề nghị giám định y khoa) trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có liên quan thì sĩ quan Quân đội nghỉ hưu không phải nộp các giấy tờ nêu trên.

Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ theo quy định có trách nhiệm tổng hợp, đề nghị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội hoặc Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh. Sau khi có quyết định của Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội hoặc Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh về việc hưởng chế độ hỗ trợ hằng quý đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo thì Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận, quản lý và thực hiện hỗ trợ theo quy định bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử.

Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội hoặc Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, có trách nhiệm thẩm định, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp đủ điều kiện thì cấp giấy giới thiệu theo Mẫu số 02/2025/BHN tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này đề nghị Hội đồng giám định y khoa theo quy định của Bộ Quốc phòng kèm theo bản sao hồ sơ để khám giám định; trường hợp không đủ điều kiện thì trả lời Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đề nghị và đối tượng bằng văn bản. Căn cứ kết quả giám định của Hội đồng giám định y khoa, nếu kết luận mắc bệnh hiểm nghèo thì trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản giám định y khoa của Hội đồng giám định y khoa, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội hoặc Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành quyết định về việc hưởng chế độ hỗ trợ hàng quý đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo (02 bản) theo Mẫu số 04/2025/BHN tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (01 bản gửi đối tượng, 01 bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng thường trú để thực hiện chế độ); trường hợp kết luận không mắc bệnh hiểm nghèo thì trả lời Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đề nghị và đối tượng bằng văn bản. Chi phí khám giám định y khoa cho Hội đồng giám định y khoa do Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội hoặc Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh thanh toán theo mức phí như mức phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa đối với người khuyết tật theo quy định của Bộ Tài chính.

Hội đồng giám định y khoa trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội hoặc Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh chuyển đến, có trách nhiệm tổ chức khám giám định bệnh hiểm nghèo theo quy định; kết luận, gửi biên bản giám định y khoa theo Mẫu số 03/2025/BHN tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này về Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội hoặc Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh nơi đề nghị.

Điều 6. Chế độ thông tin

1. Chế độ báo chí

a) Đối tượng quy định tại khoản 1; các điểm a, b và c khoản 2 Điều 2 Nghị định này được cấp tiền mua báo Quân đội nhân dân, gồm: Báo hằng ngày, báo Cuối tuần, tập san Sự kiện và nhân chứng;

Đối tượng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 2 Nghị định này được cấp tiền mua báo Quân đội nhân dân hằng ngày.

b) Mức tiền mua các ấn phẩm quy định tại điểm a khoản này được tính theo giá các ấn phẩm quy định tại thời điểm Quý I hằng năm; tiền mua các ấn phẩm báo chí nêu trên được cấp theo quý. Hằng quý, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ số lượng sĩ quan Quân đội nghỉ hưu thuộc phạm vi quản lý thuộc đối tượng được hưởng chế độ báo chí quy định tại điểm a khoản này, lập danh sách báo cáo Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội hoặc Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh làm cơ sở bảo đảm kinh phí thực hiện; tổ chức chi trả theo quy định bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử; tổng hợp, báo cáo danh sách và số tiền chi trả về Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội hoặc Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh để thanh, quyết toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Sĩ quan Quân đội nghỉ hưu, hưởng lương hưu hằng tháng thuộc quý nào trong năm thì được bảo đảm tiền mua báo chí của cả quý đó; trường hợp đang

hưởng chế độ báo chí mà từ trần hoặc vi phạm kỷ luật, pháp luật bị xử lý, nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này thì dừng hưởng từ quý tiếp theo.

2. Chế độ cung cấp thông tin, thông báo tình hình

a) Hằng năm, nhân dịp kỷ niệm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, Ngày hội quốc phòng toàn dân hoặc dịp tết Nguyên đán, lãnh đạo, chỉ huy các cơ quan đơn vị, địa phương theo phân cấp tổ chức gặp mặt, tặng quà, cung cấp thông tin, thông báo tình hình (sau đây gọi tắt là gặp mặt, thông tin tình hình) đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Nghị định này, như sau:

Bộ Quốc phòng gặp mặt, thông tin tình hình đối tượng quy định tại khoản 1; điểm a và b khoản 2 Điều 2 Nghị định này trong phạm vi toàn quốc (bao gồm cả sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ Bí thư cấp ủy đơn vị trực thuộc Bộ; Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Thường vụ Đảng ủy Cục có chức năng chỉ đạo toàn quân);

Bộ Tư lệnh Quân khu gặp mặt, thông tin tình hình đối tượng quy định tại điểm c và d khoản 2 Điều 2 Nghị định này thường trú trên địa bàn Quân khu (bao gồm cả sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ Bí thư cấp ủy đơn vị cấp Sư đoàn và tương đương);

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội gặp mặt, thông tin tình hình đối tượng quy định tại điểm c và d khoản 2 Điều 2 Nghị định này thường trú trên địa bàn thành phố Hà Nội (bao gồm cả sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ Bí thư cấp ủy đơn vị cấp Sư đoàn và tương đương);

Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội gặp mặt, thông tin tình hình đối tượng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Nghị định này thường trú trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ thành phố Hà Nội) gặp mặt, thông tin tình hình đối tượng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Nghị định này thường trú trên địa bàn tỉnh;

Ủy ban nhân dân cấp xã gặp mặt, thông tin tình hình đối tượng quy định tại điểm e và g khoản 2 Điều 2 Nghị định này thường trú trên địa bàn xã.

b) Mức quà gặp mặt, thông tin tình hình đối với các đối tượng quy định tại điểm a khoản này do các đơn vị, địa phương quyết định, phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của từng đơn vị, địa phương.

Điều 7. Chế độ hỗ trợ tang lễ khi từ trần

1. Chế độ hỗ trợ tổ chức lễ tang, xây mộ đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu từ trần thuộc đối tượng được tổ chức lễ tang cấp Nhà nước, lễ tang cấp cao thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Hỗ trợ kinh phí đối với cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức lễ tang hoặc tham gia Ban Tổ chức lễ tang theo quy định của Bộ Quốc phòng đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu khi từ trần có cấp bậc quân hàm từ cấp Đại tá trở xuống không thuộc đối tượng được tổ chức lễ tang theo quy định tại khoản 1 Điều này, như sau:

a) Đối với cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức lễ tang

Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng được hỗ trợ 10 (mười) tháng lương cơ sở;

Cơ quan cấp Cục và tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các Tổng cục được hỗ trợ 08 (tám) tháng lương cơ sở;

Cơ quan, đơn vị cấp Sư đoàn, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh và tương đương được hỗ trợ 05 (năm) tháng lương cơ sở;

Các cơ quan, đơn vị còn lại được hỗ trợ 03 (ba) tháng lương cơ sở.

Kinh phí hỗ trợ cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức lễ tang quy định tại điểm này để mua đồ thờ, trang trí khánh tiết, vòng hoa, lễ viếng và chi phục vụ lễ tang.

b) Đối với cơ quan, đơn vị được phân công tham gia Ban Tổ chức lễ tang được hỗ trợ 01 (một) tháng lương cơ sở; kinh phí này để mua vòng hoa, lễ viếng và đồ lễ theo phong tục tập quán của địa phương.

c) Hằng năm, cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức lễ tang hoặc được phân công tham gia Ban Tổ chức lễ tang được thanh, quyết toán thực chi nhưng không vượt quá mức hỗ trợ quy định tại điểm a và b khoản này.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 8. Đăng ký, quản lý sĩ quan Quân đội nghỉ hưu

1. Đăng ký sĩ quan Quân đội nghỉ hưu

Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Nghị định này nhận quyết định về việc hưởng chế độ hưu trí hằng tháng, nộp giấy giới thiệu theo Mẫu số 05/2025/GGT tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và Phiếu đăng ký sĩ quan Quân đội nghỉ hưu theo Mẫu số 06/2025/SQH tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (do đơn vị cấp trung đoàn và tương đương trở lên quản lý sĩ quan trước khi nghỉ hưu cấp) kèm theo bản sao quyết định về việc hưởng chế độ hưu trí hằng tháng của Bảo hiểm xã hội Quân đội cho Ủy ban nhân dân cấp xã (Ban Chỉ huy quân sự cấp xã) nơi thường trú bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử để đăng ký lần đầu.

Trường hợp sĩ quan Quân đội nghỉ hưu thay đổi nơi thường trú, trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của đối tượng, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng thường trú trước khi thay đổi có trách nhiệm cấp Giấy giới thiệu theo Mẫu số 05/2025/GGT tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này gửi kèm các giấy tờ đã đăng ký lần đầu (Phiếu đăng ký sĩ quan Quân đội nghỉ hưu và bản sao quyết định về việc hưởng chế độ hưu trí hằng tháng của Bảo hiểm xã hội Quân đội) cho đối tượng để nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã (Ban Chỉ huy quân sự cấp xã) nơi thường trú mới quản lý, thực hiện chế độ.

2. Quản lý sĩ quan Quân đội nghỉ hưu

a) Ủy ban nhân dân cấp xã (Ban Chỉ huy quân sự cấp xã) tổng hợp, quản lý số lượng, danh sách sĩ quan Quân đội nghỉ hưu thường trú trên địa bàn xã để thực hiện chế độ, chính sách theo phạm vi quy định tại Nghị định này; trên cơ sở

số lượng, danh sách sĩ quan Quân đội nghỉ hưu thường trú trên địa bàn đang quản lý, tổng hợp, báo cáo danh sách, số lượng tăng, giảm về Cục Chính trị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội hoặc Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh nơi sĩ quan Quân đội nghỉ hưu thường trú theo quy định.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh) quản lý số lượng, danh sách sĩ quan Quân đội nghỉ hưu thường trú trên địa bàn tỉnh (trừ thành phố Hà Nội) để quản lý, bảo đảm kinh phí, chỉ đạo thực hiện chế độ, chính sách theo phạm vi quy định tại Nghị định này; tổng hợp, báo cáo danh sách, số lượng tăng, giảm về Quân khu (Cục Chính trị) theo quy định.

c) Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội (Cục Chính trị) quản lý số lượng, danh sách sĩ quan Quân đội nghỉ hưu thường trú trên địa bàn thành phố Hà Nội để quản lý, bảo đảm kinh phí, chỉ đạo thực hiện chế độ, chính sách theo phạm vi quy định tại Nghị định này; tổng hợp, báo cáo danh sách, số lượng tăng, giảm về Bộ Quốc phòng (Cục Chính sách - Xã hội) theo quy định.

d) Các Quân khu (Cục Chính trị) quản lý số lượng, danh sách sĩ quan Quân đội nghỉ hưu thường trú trên địa bàn quân khu để chỉ đạo thực hiện chế độ, chính sách theo phạm vi quy định tại Nghị định này; tổng hợp, báo cáo danh sách, số lượng tăng, giảm về Bộ Quốc phòng (Cục Chính sách - Xã hội) theo quy định.

đ) Bộ Quốc phòng (Cục Chính sách - Xã hội) quản lý số lượng, danh sách sĩ quan Quân đội nghỉ hưu trên địa bàn toàn quốc để chỉ đạo thực hiện các chế độ, chính sách theo phạm vi quy định tại Nghị định này.

e) Nội dung tổng hợp, báo cáo danh sách, số lượng tăng, giảm sĩ quan Quân đội nghỉ hưu thường trú trên địa bàn từ cấp xã đến Bộ Quốc phòng quy định tại khoản này được thực hiện định kỳ hằng năm theo Mẫu số 07/2025/DSH và hằng quý theo Mẫu số 08/2025/DSH tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 9. Nguồn kinh phí

1. Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Điều 4, Điều 5; chế độ báo chí quy định tại khoản 1 Điều 6; chế độ cung cấp thông tin, thông báo tình hình quy định tại khoản 2 Điều 6 (đối với đối tượng do cấp Bộ Quốc phòng, cấp Quân khu, cấp Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội gặp mặt) và chế độ hỗ trợ tang lễ quy định tại Điều 7 Nghị định này do ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương) đảm bảo theo quy định của pháp luật ngân sách nhà nước.

2. Kinh phí bảo đảm tổ chức gặp mặt, cung cấp thông tin, thông báo tình hình đối với các đối tượng do Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp tỉnh gặp mặt quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này do ngân sách địa phương đảm bảo.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm

a) Quy định, hướng dẫn, chỉ đạo việc thực hiện chế độ, chính sách đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định này và xây dựng cơ sở dữ liệu về sĩ quan Quân đội nghỉ hưu để quản lý, thực hiện chế độ, chính sách đảm bảo thống nhất;

b) Hằng năm, lập dự toán kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách do ngân sách nhà nước đảm bảo được quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này.

c) Chủ trì, phối hợp kiểm tra, giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm

Hằng năm, căn cứ vào dự toán do Bộ Quốc phòng và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập, bảo đảm kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; phối hợp giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh.

3. Bộ Y tế có trách nhiệm

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng ban hành Danh mục bệnh hiểm nghèo, làm cơ sở thực hiện chế độ, chính sách đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định này;

b) Phối hợp giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm

a) Chỉ đạo quán triệt, tuyên truyền chế độ, chính sách đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu trên địa bàn;

b) Chỉ đạo Sở Tài chính, hằng năm lập dự toán kinh phí bảo đảm tổ chức gặp mặt, thông tin tình hình quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này đối với đối tượng thuộc phạm vi gặp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền bảo đảm kinh phí;

c) Chỉ đạo Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, hằng năm tham mưu, đề xuất tổ chức việc gặp mặt, thông tin tình hình theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này đối với đối tượng thuộc phạm vi gặp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận, đăng ký, quản lý; tổ chức gặp mặt, thông tin tình hình theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này đối với đối tượng thuộc phạm vi gặp của Ủy ban nhân dân cấp xã; phối hợp thực hiện các chế độ, chính sách có liên quan đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu trên địa bàn.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm

a) Tiếp nhận, đăng ký, quản lý sĩ quan Quân đội nghỉ hưu; báo cáo theo quy định.

b) Tổ chức gặp mặt, thông tin tình hình theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này đối với đối tượng thuộc phạm vi gặp của Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Chỉ đạo cơ quan chức năng thuộc quyền thực hiện và phối hợp thực hiện chế độ, chính sách đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu trên địa bàn theo phạm vi quy định tại Nghị định này;

d) Hằng năm lập dự toán ngân sách bảo đảm chế độ, chính sách cho sĩ quan Quân đội nghỉ hưu thường trú trên địa bàn theo phạm vi được giao để triển khai thực hiện, báo cáo về Sở Tài chính và Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh.

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

Trường hợp sĩ quan Quân đội đã nghỉ hưu trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, đã được cấp có thẩm quyền công nhận mắc bệnh hiểm nghèo thuộc đối tượng đang hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại Thông tư số

158/2011/TT-BQP ngày 15 tháng 8 năm 2011 của Bộ Quốc phòng về thực hiện một số chế độ, chính sách góp phần chăm sóc đối với cán bộ quân đội nghỉ hưu thì từ Quý I năm 2026 trở đi được hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025.
2. Các chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.
3. Quân nhân chuyên nghiệp; công chức; công nhân quốc phòng; viên chức quốc phòng; người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân công tác tại Ban Cơ yếu Chính phủ nếu không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 3 Nghị định này thì khi nghỉ hưu được áp dụng thực hiện chế độ, chính sách như đối với sĩ quan có cùng cấp bậc quân hàm hoặc mức lương hoặc mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo quy định tại Nghị định này.
4. Mức lương cơ sở quy định tại Nghị định này khi bị bãi bỏ thì thực hiện theo quy định của Chính phủ.
5. Các văn bản dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì nội dung dẫn chiếu được thực hiện theo các văn bản mới.
6. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (3b).....

Phụ lục
MẪU BIỂU ĐỀ NGHỊ, CÔNG NHẬN MẮC BỆNH HIỂM NGHÈO;
ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ, DI CHUYỂN SĨ QUAN QUÂN ĐỘI NGHỈ HƯU
(Ban hành kèm theo Nghị định số: /2025/NĐ-CP
ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)

TT	Nội dung	Mẫu số
01	Đơn đề nghị giám định y khoa để hưởng chế độ hỗ trợ mắc bệnh hiểm nghèo	Mẫu số 01/2025/BHN
02	Giấy giới thiệu khám giám định y khoa	Mẫu số 02/2025/BHN
03	Biên bản giám định y khoa	Mẫu số 03/2025/BHN
04	Quyết định về việc hưởng chế độ hỗ trợ hàng quý đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo	Mẫu số 04/2025/BHN
05	Giấy giới thiệu di chuyển Phiếu đăng ký sĩ quan Quân đội nghỉ hưu	Mẫu số 05/2025/GGT
06	Phiếu đăng ký sĩ quan Quân đội nghỉ hưu	Mẫu số 06/2025/SQH
07	Danh sách quản lý, theo dõi sĩ quan Quân đội nghỉ hưu trên địa bàn	Mẫu số 07/2025/DSH
08	Danh sách theo dõi biến động sĩ quan Quân đội nghỉ hưu trên địa bàn	Mẫu số 08/2025/DSH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Giám định y khoa để hưởng chế độ hỗ trợ mắc bệnh hiểm nghèo

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã (phường, đặc khu).....

1. Thông tin về sĩ quan Quân đội nghỉ hưu và tình trạng bệnh tật

Họ và tên:.....; nam/nữ:.....

Ngày tháng năm sinh:.....

Số CCCD hoặc số căn cước hoặc số định danh cá nhân:.....

Nơi thường trú:.....

.....

Số điện thoại:.....

Cấp bậc, chức vụ khi nghỉ hưu:.....

Đơn vị khi nghỉ hưu:.....

Hưởng chế độ hưu trí từ ngày.....thángnăm.....

Giấy tờ kèm theo¹.....

.....

Tình trạng bệnh tật hiện nay:.....

2. Thông tin về thân nhân người đề nghị

Họ và tên:.....; nam/nữ:.....

Ngày tháng năm sinh:.....

Số CCCD hoặc số căn cước hoặc số định danh cá nhân:.....

Nơi thường trú:.....

Số điện thoại:.....

Quan hệ với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu:.....

Đề nghị cấp có thẩm quyền giám định, quyết định cho.....

được hưởng chế độ hỗ trợ mắc bệnh hiểm nghèo.

Tôi cam đoan lời khai trên là đúng, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày... tháng... năm...

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

¹ Giấy tờ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 5 Nghị định này.

*** Ghi chú:**

- Trường hợp sĩ quan Quân đội nghỉ hưu tự làm đơn đề nghị thì không phải kê khai tại khoản 2.

- Trường hợp sĩ quan Quân đội nghỉ hưu không tự mình làm đơn đề nghị được thì thân nhân (người được sĩ quan Quân đội nghỉ hưu ủy quyền) kê khai cả khoản 1 và khoản 2.

- Mẫu này áp dụng đối với cả QNCN, CC, CNQP, VCQP, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân công tác tại Ban Cơ yếu Chính phủ khi nghỉ hưu có cùng cấp bậc quân hàm hoặc mức lương hoặc phụ cấp chức vụ lãnh đạo như đối với sĩ quan.

.....¹.....
TÊN ĐƠN VỊ.....².....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GGT-.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY GIỚI THIỆU KHÁM GIÁM ĐỊNH Y KHOA

Kính gửi: Hội đồng Giám định y khoa.....³.....
⁴.....trân trọng giới thiệu:

Đồng chí.....
 Ngày tháng năm sinh.....; nam/nữ:.....
 Số CCCD hoặc số căn cước hoặc số định danh cá nhân:.....
 Nơi thường trú:.....
 Cấp bậc, chức vụ khi nghỉ hưu:.....
 Đơn vị khi nghỉ hưu:.....
 Điện thoại liên lạc:.....
 Tình trạng bệnh tật:.....

 Được giới thiệu đến Hội đồng giám định y khoa:.....⁵.....
 để khám giám định xác định mắc bệnh hiểm nghèo:.....

 Đề nghị Hội đồng Giám định y khoa khám giám định và kết luận theo quy định./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ghi rõ chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)

¹ Cấp trên của đơn vị đề nghị giám định y khoa.

² Đơn vị cấp giấy giới thiệu.

³ Tên Hội đồng GDYK tổ chức cuộc họp.

⁴ Đơn vị cấp giấy giới thiệu.

⁵ Tên Hội đồng GDYK tổ chức cuộc họp.

.....¹.....
HỘI ĐỒNG GIÁM ĐỊNH
Y KHOA.....².....

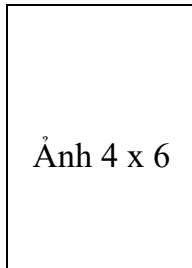
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GĐYK-.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

BIÊN BẢN GIÁM ĐỊNH Y KHOA

Khám giám định:.....³



Hội đồng Giám định y khoa.....⁴

Đã họp ngày.....thángnămđể khám giám định đối với:

Đồng chí.....; nam/nữ:.....

Ngày tháng năm sinh.....

Số CCCD hoặc số căn cước hoặc số định danh cá nhân:.....

Nơi thường trú:.....

Cấp bậc, chức vụ khi nghỉ hưu:.....

Khám giám định theo giới thiệu của.....⁵

Giấy giới thiệu số:.....ngày.....tháng.....năm

Đối tượng khám giám định:.....⁶

Nội dung cần giám định:.....

KẾT QUẢ KHÁM HIỆN TẠI

- Tiền sử:.....

- Kết quả:.....

KẾT LUẬN

Căn cứ⁷.....ngày.....tháng.....năm.....

Hội đồng Giám định y khoa kết luận:

Đồng chí.....

Được xác định:.....

Đề nghị⁸.....giải quyết chính sách theo quy định /.

ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC/THƯ KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)

T/M HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH⁹

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Đơn vị cấp trên Hội đồng GĐYK.

² Tên Hội đồng GĐYK tổ chức cuộc họp.

³ Nội dung giám định.

⁴ Tên Hội đồng GĐYK tổ chức cuộc họp.

⁵ Đơn vị cấp giấy giới thiệu.

⁶ Ghi rõ đối tượng khám giám định.

⁷ Ghi tên văn bản QPPL làm căn cứ khám giám định.

⁸ Đơn vị đề nghị giám định.

⁹ Trường hợp Phó Chủ tịch Hội đồng được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền chủ trì phiên họp kết luận của Hội đồng thì ký thay Chủ tịch Hội đồng tại ô (9): “KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG - PHÓ CHỦ TỊCH”.

.....¹.....
².....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ

....., ngày..... thángnăm.....

QUYẾT ĐỊNH
V/v hưởng chế độ hỗ trợ hàng quý đối với
sĩ quan Quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo

.....³.....

Căn cứ Nghị định số:...../...../NĐ-CP ngày..... tháng.....năm..... của Chính phủ quy định chế độ an điều dưỡng, chăm sóc khi mắc bệnh hiểm nghèo, chế độ thông tin, hỗ trợ tang lễ khi từ trần đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu;

Căn cứ Biên bản giám định y khoa số...../BBGĐYK.....ngày..... tháng.....năm..... của Hội đồng giám định y khoa.....⁴.....

Xét đề nghị của UBND xã (phường, đặc khu):.....

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thực hiện chế độ hỗ trợ hàng quý đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định tại Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày...../...../.....của Chính phủ đối với đồng chí có tên sau:

Đồng chí:.....; nam/nữ:.....

Ngày tháng năm sinh:.....

Số CCCD hoặc số căn cước hoặc số định danh cá nhân:.....

Nơi thường trú:.....

Cấp bậc, chức vụ khi nghỉ hưu.....

Đơn vị khi nghỉ hưu.....

Hưởng chế độ hưu trí từ ngày.....tháng.....năm

Thời gian hưởng chế độ hỗ trợ hàng quý từ quý...../năm.....

Điều 2. UBND xã (phường, đặc khu).....; cơ quan, đơn vị có liên quan và đồng chí.....chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

-

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ghi rõ chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)

¹ Cấp trên trực tiếp đơn vị ra quyết định.

² Đơn vị ra quyết định.

³ Chức vụ người có thẩm quyền của đơn vị ra quyết định.

⁴ Tên Hội đồng GDYK tổ chức cuộc họp.

* **Ghi chú:**

Mẫu này áp dụng đối với cả QNCN, CC, CNQP, VCQP, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân công tác tại Ban Cơ yếu Chính phủ khi nghỉ hưu có cùng cấp bậc quân hàm hoặc mức lương hoặc phụ cấp chức vụ lãnh đạo như đối với sĩ quan.

.....¹.....
².....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... thángnăm.....

GIẤY GIỚI THIỆU
Di chuyển Phiếu đăng ký sĩ quan Quân đội nghỉ hưu

Kính gửi:.....³.....

.....⁴.....trân trọng giới thiệu:

Đồng chí:.....; sinh ngày.....
 Cấp bậc, chức vụ khi nghỉ hưu:.....
 Đơn vị khi nghỉ hưu:.....
 Ngày nhập ngũ:.....
 Được hưởng chế độ hưu trí từ ngày.....tháng.....năm.....
 theo Quyết định số.....ngày.....tháng.....nămcủa.....
 Số CCCD hoặc số căn cước hoặc số định danh cá nhân:.....

1. Thông tin di chuyển

- Nơi thường trú trước khi di chuyển:.....
 - Nay chuyển đến thường trú tại:.....
 - Các giấy tờ trong hồ sơ, gồm:
 + Phiếu đăng ký sĩ quan Quân đội nghỉ hưu.
 + Quyết định về việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng của Bảo hiểm xã hội
 Quân đội (bản sao).

2. Các chế độ đã nhận (nếu có)

- Tiền an điều dưỡng:.....đồng (năm.....).
 - Hỗ trợ chăm sóc khi mắc bệnh hiểm nghèo:.....đồng (quý.....năm.....).
 - Cấp tiền mua các ấn phẩm báo chí:.....đồng (quý.....năm.....).
 Đề nghị:.....⁵.....tiếp nhận, đăng
 ký, quản lý để thực hiện chế độ, chính sách đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu
 kể từ tháng.....năm...../.

....., ngày.....tháng.... năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ghi rõ chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)

¹ Cấp trên trực tiếp cơ quan, đơn vị cấp giấy giới thiệu.

² Cơ quan, đơn vị cấp giấy giới thiệu.

³ Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chuyển đến.

⁴ Đơn vị quản lý sĩ quan trước khi nghỉ hưu hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú trước khi chuyển đi.

⁵ Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chuyển đến.

*** Ghi chú:**

Mẫu này áp dụng đối với cả QNCN, CC, CNQP, VCQP và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối
 với quân nhân công tác tại Ban Cơ yếu Chính phủ khi nghỉ hưu có cùng cấp bậc quân hàm hoặc mức lương hoặc
 phụ cấp chức vụ lãnh đạo như đối với sĩ quan.

Mẫu số 06/2025/SQH

.....¹.....
².....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... thángnăm.....

PHIẾU ĐĂNG KÝ SĨ QUAN QUÂN ĐỘI NGHỈ HƯU

1. Tóm tắt trích yếu

Họ và tên: ; sinh ngày:.....
 Cấp bậc:.....; mức lương:.....
 Chức vụ (*chức vụ cao nhất đã qua; chức vụ trước khi nghỉ hưu*):.....

 Hệ số phụ cấp chức vụ (*cao nhất đã qua; trước khi nghỉ hưu*):.....
 Ngày vào Đảng:.....; chính thức:.....
 Chức vụ Đảng (*Bí thư; Phó Bí thư; Ủy viên thường vụ*):.....
 Ngày nhập ngũ:.....; xuất ngũ:.....; tái ngũ:.....
 Đơn vị trước khi nghỉ hưu:.....
 Chiến trường đã qua (*thời gian; chiến đấu, phục vụ chiến đấu; đơn vị*):.....
 Được hưởng chế độ hưu trí từ ngày.....tháng.....năm.....; Quyết định số:.....

 Nơi thường trú:.....
 Số điện thoại liên lạc:.....
 Số CCCD hoặc số căn cước hoặc số định danh cá nhân:.....

2. Là người có công với cách mạng

Cán bộ hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 (*Lão thành cách mạng*):.....
 Cán bộ hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (*Tiền khởi nghĩa*):.....
 Thương binh; bệnh binh; chất độc hóa học:(*tỷ lệ...%*)
 Đối tượng khác:.....

3. Danh hiệu được phong (*tháng năm, lý do*):.....

4. Khen thưởng (*hình thức: Huân chương, Huy chương..., tháng năm, lý do*)

.....

5. Kỷ luật (*hình thức, tháng năm, lý do*)

.....

¹ Cấp trên trực tiếp cơ quan, đơn vị lập phiếu đăng ký.

² Cơ quan, đơn vị lập phiếu đăng ký.

6. Quan hệ gia đình (vợ, chồng, con)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Quan hệ	Nghề nghiệp
1				
2				
3				
4				

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian		Chức vụ, đơn vị (Ghi rõ đơn vị từ b, c, d, e, f...)	Cấp bậc (tháng, năm)	Cấp ủy đảng (tháng, năm)
Từ tháng, năm	đến tháng, năm			
Ngày trích:		Ngày.....tháng.....năm..... THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ (Ghi rõ chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)		
Tài liệu căn cứ để trích:				
.....				
.....				
Họ tên, cấp bậc, chức vụ, chữ ký người trích				
.....				

*** Ghi chú:**

- Đơn vị quản lý sĩ quan trước khi nghỉ hưu cấp Trung đoàn và tương đương trở lên lập Phiếu đăng ký giao cho sĩ quan nghỉ hưu.
- Mẫu này áp dụng đối với cả QNCN, CC, CNQP, VCQP, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân công tác tại Ban Cơ yếu Chính phủ khi nghỉ hưu có cùng cấp bậc quân hàm hoặc mức lương hoặc phụ cấp chức vụ lãnh đạo như đối với sĩ quan.

.....¹.....
TÊN ĐƠN VỊ.....².....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Danh sách
QUẢN LÝ, THEO DÕI SĨ QUAN QUÂN ĐỘI NGHỈ HƯU TRÊN ĐỊA BÀN

TT	- Họ và tên; - Giới tính: nam/nữ; - Ngày tháng năm sinh; - Số định danh cá nhân; - Số điện thoại liên lạc;	Nơi thường trú; nơi ở hiện nay: <i>Ghi rõ thôn (ấp, bản), xã (phường, đặc khu), tỉnh (thành phố);</i>	- Nhập ngũ (<i>ngày tháng năm</i>); - Nghỉ hưởng chế độ hưu trí (<i>ngày tháng năm</i>); - Chức vụ cao nhất đã qua; - Cấp bậc, chức vụ, đơn vị trước khi nghỉ hưu; - Chức vụ Đảng;	- Là người có công (<i>LTCM, TKN, TB,...</i>); - Danh hiệu được phong; khen thưởng; kỷ luật (<i>hình thức, tháng năm, lý do</i>);	Chế độ hiện hưởng				Ghi chú
					An điều dưỡng	Hỗ trợ bệnh hiểm nghèo	Bảo chí		
							Báo ngày; báo tuần; tập san SK&NC	Báo ngày	
I	CẤP TƯỚNG								
1	- Nguyễn Văn A; - Nam - 01/7/1954 - 00107306..... - 0989.720568	- Thôn An Lộc, xã Minh Hà, thành phố Hải Phòng - Thôn Mai Nam, xã Minh Hà, thành phố Hải Phòng	- 02/1972 - 3/2013 - Thiếu tướng - Phó Tư lệnh - BTL Quân khu 3 - UVTV Đảng ủy	- Thương binh 31% - AHLLVTND (tháng 10/1975, ...) - HCKC hạng 3 (tháng ...,)	3.800.000		x		
2									
3									
4									
5									
Cộng I									

¹ Cấp trên của đơn vị lập danh sách.
² Đơn vị lập danh sách.

TT	- Họ và tên; - Giới tính: nam/nữ; - Ngày tháng năm sinh; - Số định danh cá nhân; - Số điện thoại liên lạc;	Nơi thường trú; nơi ở hiện nay: <i>Ghi rõ thôn (ấp, bản), xã (phường, đặc khu), tỉnh (thành phố);</i>	- Nhập ngũ (<i>ngày tháng năm</i>); - Nghỉ hưởng chế độ hưu trí (<i>ngày tháng năm</i>); - Chức vụ cao nhất đã qua; - Cấp bậc, chức vụ, đơn vị trước khi nghỉ hưu; - Chức vụ Đảng;	- Là người có công (<i>LTCM, TKN, TB,...</i>); - Danh hiệu được phong; khen thưởng; kỷ luật (<i>hình thức, tháng năm, lý do</i>);	Chế độ hiện hưởng				Ghi chú
					An điều dưỡng	Hỗ trợ bệnh hiểm nghèo	Báo chí		
							Báo ngày; báo tuần; tập san SK&NC	Báo ngày	
II	CẤP TÁ								
1	- Nguyễn Văn B - Nam - 25/5/1964 - 0001692..... - 0983.125756	- Số 25, phố Hà An, phường Trung Bình, thành phố Hải Phòng - Số 89, phố Nam Ninh, phường Trung Bình, TP Hải Phòng	- 3/1985 - 4/2023 - Đại tá NL1; Trưởng phòng Tuyên huấn - Binh chủng Đặc công		3.300.000			x	
2									
Cộng II	 (4//NL1:....; 4//NL2:....)								
III	CẤP ÚY								
1	- Trần Thị D - Nữ - 20/6/1959 - 000189..... - 0904.210936	- Số nhà 10, phố An Ninh, phường Hòa An, TP Hải Phòng - Số nhà 55, phố Trung Ninh, phường Hòa An, TP Hải Phòng	- 02/1979 - 3/2009 - Đại úy - Trợ lý Dân vận - Sư đoàn 3 QK1		2.200.000	x			
2									
Cộng III									
Tổng cộng (I+ II + III)									

Nơi nhận:

.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ghi rõ chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)

*** Ghi chú:**

- Mẫu này áp dụng đối với cả QNCN, CC, CNQP, VCQP và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân công tác tại Ban Cơ yếu Chính phủ khi nghỉ hưu có cùng cấp bậc quân hàm hoặc mức lương hoặc phụ cấp chức vụ lãnh đạo như đối với sĩ quan.

.....¹.....
TÊN ĐƠN VỊ.....².....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Danh sách
THEO DÕI BIẾN ĐỘNG SĨ QUAN QUÂN ĐỘI NGHỈ HƯU TRÊN ĐỊA BÀN

TT	- Họ và tên; - Giới tính: nam/nữ; - Ngày tháng năm sinh; - Số định danh cá nhân; - Số điện thoại liên lạc;	Nơi thường trú; nơi ở hiện nay: <i>Ghi rõ thôn (ấp, bản), xã (phường, đặc khu), tỉnh (thành phố);</i>	- Nhập ngũ (<i>ngày tháng năm</i>); - Nghỉ hưởng chế độ hưu trí (<i>ngày tháng năm</i>); - Chức vụ cao nhất đã qua; - Cấp bậc, chức vụ, đơn vị trước khi nghỉ hưu; - Chức vụ Đảng;	- Là người có công (<i>LTCM, TKN, TB,.....</i>); - Danh hiệu được phong; khen thưởng; kỷ luật (<i>hình thức, tháng năm, lý do</i>);	- Lý do tăng: <i>Đăng ký lần đầu; di chuyển đến;.....</i> ; - Lý do giảm: <i>Di chuyển đi; từ trần;.....</i> ;	Ghi chú
I	TĂNG					
1	- Phạm Văn H - Nam - 25/5/1957 - 0001356..... - 0972.568992	- Số nhà 50, phố Minh Khai, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội - Số nhà 25, phố Hữu Nghi, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	- 02/1976 - 3/2007 - Đại tá - Trưởng phòng Dân quân - Bộ Tham mưu QK2	Thương binh 21%	- Di chuyển đến từ xã Châu Sơn, tỉnh Thái Nguyên	
2						
3						
4						
5						
Cộng I						

¹ Cấp trên của đơn vị lập danh sách.

² Đơn vị lập danh sách.

TT	- Họ và tên; - Giới tính: nam/nữ; - Ngày tháng năm sinh; - Số định danh cá nhân; - Số điện thoại liên lạc;	Nơi thường trú; nơi ở hiện nay: <i>Ghi rõ thôn (ấp, bản), xã (phường, đặc khu), tỉnh (thành phố);</i>	- Nhập ngũ (<i>ngày tháng năm</i>); - Nghỉ hưởng chế độ hưu trí (<i>ngày tháng năm</i>); - Chức vụ cao nhất đã qua; - Cấp bậc, chức vụ, đơn vị trước khi nghỉ hưu; - Chức vụ Đảng;	- Là người có công (<i>LTCM, TKN, TB,.....</i>); - Danh hiệu được phong; khen thưởng; kỷ luật (<i>hình thức, tháng năm, lý do</i>);	- Lý do tăng: <i>Đăng ký lần đầu; di chuyển đến;.....</i> ; - Lý do giảm: <i>Di chuyển đi; từ trần;....</i> ;	Ghi chú
II	GIẢM					
1	- Đinh Văn H - Nam - 03/7/1948 - 000146.....	Số nhà 2, phố Hà Nam, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội	- 02/1967 - 3/2005 - Đại tá - Trưởng phòng Quân nhu - Cục Hậu cần QK1		Chết tháng 02/2024	
2						
3						
Cộng II						

Nơi nhận:

.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ghi rõ chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)

*** Ghi chú:**

Mẫu này áp dụng đối với cả QNCN, CC, CNQP, VCQP và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân công tác tại Ban Cơ yếu Chính phủ khi nghỉ hưu có cùng cấp bậc quân hàm hoặc mức lương hoặc phụ cấp chức vụ lãnh đạo như đối với sĩ quan.